Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9008.50.90

Mã HS	9008.50.90
Mô tả hàng hóa	Máy chiếu hình ảnh, trừ máy chiếu phim; máy phóng và máy thu nhỏ ảnh (trừ máy chiếu phim) / - Máy chiếu hình ảnh, máy phóng và máy thu nhỏ ảnh: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 02:24:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90085090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17995
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17995
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17995
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17300
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17229
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17229
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17229
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17229
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17229
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17229
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17285
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17285

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17285
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17285
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17285
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17285
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17286
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17286
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17286
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17286
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17286
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17286
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17291
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17247
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17243
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17243
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17243
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17243
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17243
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17243
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17289
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17289
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17289
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17289
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17289
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17289
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17351
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17351
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17351
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17351
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17351
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17327
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17327
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17327
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17327
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17327
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17327
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17322
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17322
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17322
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17322
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17322
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17322
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17352
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17352
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17352
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17352
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17352
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17352
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17351
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17351
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17351
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17351
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17351
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17445
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17445
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17445
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17445
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17445
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17445
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17445
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17314
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17314
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17314
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17314
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17314
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17314
RCEP B	2022	2022	0	B!D17314
RCEP B	2023	2023	0	B!E17314
RCEP B	2024	2024	0	B!F17314
RCEP B	2025	2025	0	B!G17314
RCEP B	2026	2026	0	B!H17314
RCEP B	2027	2027	0	B!I17314
RCEP C	2022	2022	0	C!D17312
RCEP C	2023	2023	0	C!E17312
RCEP C	2024	2024	0	C!F17312
RCEP C	2025	2025	0	C!G17312
RCEP C	2026	2026	0	C!H17312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17312
RCEP D	2022	2022	0	D!D17311
RCEP D	2023	2023	0	D!E17311
RCEP D	2024	2024	0	D!F17311
RCEP D	2025	2025	0	D!G17311
RCEP D	2026	2026	0	D!H17311
RCEP D	2027	2027	0	D!I17311
RCEP E	2022	2022	0	E!D17315
RCEP E	2023	2023	0	E!E17315
RCEP E	2024	2024	0	E!F17315
RCEP E	2025	2025	0	E!G17315
RCEP E	2026	2026	0	E!H17315
RCEP E	2027	2027	0	E!I17315
RCEP F	2022	2022	0	F!D17314
RCEP F	2023	2023	0	F!E17314
RCEP F	2024	2024	0	F!F17314
RCEP F	2025	2025	0	F!G17314
RCEP F	2026	2026	0	F!H17314
RCEP F	2027	2027	0	F!I17314
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16237
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16237
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16237
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16237

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9008.50 có 2 dòng thuế; dòng 9008.50.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9008.50.10 Máy đọc vi phim, vi thẻ hoặc vi bản khác, có hoặc không có khả năng sao chép	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9008.50.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9008.50.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17995), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.